

CHƯƠNG 2

PHÂN LOẠI QUỐC TẾ VỀ

HÀNG HOÁ NGUY HIỂM

NYN - 01/2024/LTT

➤ NỘI DUNG

1

UNTDG và các điều khoản cơ bản

2

Phân loại hàng nguy hiểm theo UN

3

Hệ thống Linkage/ASEAN Protocol 9

4

Số UN và Tên gọi đúng (PSN)

5

Quy cách đóng gói UN (PG)

6

Bài tập - Thực hành

➤ PHẦN 1:

UNTDG - KHUYẾN CÁO VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM CỦA LIÊN HỢP QUỐC





1.1. UNTDG là gì

- UNTDG là viết tắt của "United Nations Recommendations on the Transport of Dangerous Goods" (Revised Edition). Đây là một tài liệu do Liên Hiệp Quốc (United Nations - UN) phát hành, cung cấp hướng dẫn và quy định về việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm. Tài liệu này chứa các khuyến nghị và quy định cụ thể về cách phân loại, đóng gói, đánh dấu, và vận chuyển các loại hàng hoá nguy hiểm trên các phương tiện vận chuyển khác nhau như đường bộ, đường sắt, hàng không, và đường biển.
- UNTDG cung cấp các tiêu chuẩn và quy định được chấp nhận toàn cầu, giúp đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển hàng hoá nguy hiểm và giảm thiểu nguy cơ cho con người, môi trường, và tài sản. Các quy định trong UNTDG thường được áp dụng bởi các quốc gia trên thế giới và là cơ sở cho việc phát triển các quy định vận chuyển hàng hoá nguy hiểm ở cấp quốc gia và quốc tế.



1.2. Khuyến cáo của UNTDG

- Những khuyến cáo này được Ủy ban chuyên gia về Vận chuyển hàng nguy hiểm được xây dựng dựa trên tiến bộ kỹ thuật, sự ra đời của các chất và vật liệu mới, nhu cầu cấp thiết của hệ thống giao thông hiện đại và trên hết là yêu cầu nhằm đảm bảo an toàn về người, tài sản và môi trường.
- Được gửi tới các chính phủ và tổ chức quốc tế liên quan đến quy định vận chuyển hàng nguy hiểm.
- Không áp dụng cho việc vận chuyển số lượng lớn hàng nguy hiểm trên các tàu chở hàng rời hoặc tàu chở dầu chở hàng rời hoặc tàu chở dầu đi đường biển hoặc nội địa, vốn phải tuân theo các quy định quốc tế hoặc quốc gia đặc biệt.



1.2. Khuyến cáo của UNTDG

- Mặc dù chỉ là Khuyến nghị nhưng Quy định mẫu đã được soạn thảo theo nghĩa bắt buộc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng trực tiếp Quy định mẫu làm cơ sở cho các chính sách quốc gia và quy định vận tải quốc tế.
- Quy định mẫu bao gồm
 - + Các nguyên tắc phân loại và định nghĩa các loại
 - + Danh sách hàng hóa nguy hiểm chính
 - + Yêu cầu chung về đóng gói
 - + Quy trình kiểm tra, đánh dấu, ghi nhãn hoặc dán nhãn và chứng từ vận chuyển.
- Với hệ thống phân loại, liệt kê, đóng gói, đánh dấu, dán nhãn, dán nhãn và lập tài liệu thông dụng này, người vận chuyển, người gửi hàng và cơ quan kiểm tra sẽ được hưởng lợi từ việc vận chuyển, xử lý và kiểm soát được đơn giản hóa cũng như giảm bớt các thủ tục tốn thời gian.



1.2. Khuyến cáo của UNTDG

- Tất cả những người tham gia vận chuyển hàng nguy hiểm phải xem xét các yêu cầu an ninh đối với việc vận chuyển hàng nguy hiểm tương ứng với trách nhiệm của mình.
- Người gửi hàng chỉ được cung cấp hàng nguy hiểm cho Người vận chuyển đã được xác định.
- Các địa điểm quá cảnh như nhà kho sân bay, các bãi tập kết và lưu trữ tạm thời khác phải được đảm bảo an ninh hợp lý, đủ ánh sáng và tách biệt với các khu vực khác (nếu có thể).

➤ PHẦN 2:

PHÂN LOẠI HÀNG NGUY HIỂM THEO UN



➤ 2.1. Phân loại hàng nguy hiểm theo UN

Loại 1: Thuốc nổ

- Nhóm 1.1: Chất và vật phẩm có nguy cơ nổ khối
- Nhóm 1.2: Chất và vật phẩm có nguy cơ bắn ra nhưng không có nguy cơ nổ lớn
- Nhóm 1.3: Các chất và vật phẩm có nguy cơ cháy và nguy cơ nổ nhỏ hoặc nguy cơ bắn ra nhỏ hoặc cả hai, nhưng không có nguy cơ nổ hàng loạt
- Nhóm 1.4: Các chất và vật phẩm không gây nguy hiểm đáng kể
- Nhóm 1.5: Các chất rất kém nhạy, nổ lớn nguy hiểm
- Nhóm 1.6: Các vật phẩm cực kỳ nhạy cảm và không có nguy cơ nổ hàng loạt

Loại 2: Khí

- Nhóm 2.1: Khí dễ cháy
- Nhóm 2.2: Khí không cháy, không độc
- Nhóm 2.3: Khí độc

➤ 2.1. Phân loại hàng nguy hiểm theo UN

Loại 3: Chất lỏng dễ cháy

Lớp 4: Chất rắn dễ cháy; chất có khả năng tự cháy; chất khi tiếp xúc với nước sẽ sinh ra khí dễ cháy

- Nhóm 4.1: Chất rắn dễ cháy, chất tự phản ứng, chất nổ rắn khử nhạy và chất polyme hóa
- Nhóm 4.2: Các chất có khả năng tự cháy
- Nhóm 4.3: Chất khi tiếp xúc với nước sinh ra khí dễ cháy

Loại 5: Các chất oxy hóa và peroxit hữu cơ

Nhóm 5.1: Chất oxy hóa

Nhóm 5.2: Peroxide hữu cơ

Loại 6: Các chất độc hại và truyền nhiễm

- Nhóm 6.1: Chất độc hại
- Nhóm 6.2: Chất lây nhiễm

➤ 2.1. Phân loại hàng nguy hiểm theo UN

Loại 7: Chất phóng xạ

Loại 8: Chất ăn mòn

Loại 9: Các chất và vật phẩm nguy hiểm khác, kể cả các chất độc hại cho môi trường

** Số thứ tự của các loại không phải là thứ tự về mức độ nguy hiểm.



➤ 2.2. Một số lưu ý

- Nhiều chất được xếp từ Loại 1 đến Loại 9 được coi là độc hại với môi trường mà không cần ghi nhãn bổ sung.
- Chất thải phải được vận chuyển theo các yêu cầu của loại thích hợp có xét đến mức độ nguy hiểm của chúng và các tiêu chí trong Quy định này.
- Chất thải không tuân theo các Quy định này nhưng được quy định trong Công ước Basel¹ (VỀ KIỂM SOÁT VẬN CHUYỂN QUA BIÊN GIỚI CÁC PHẾ THẢI NGUY HIỂM VÀ VIỆC TIÊU HỦY CHÚNG) có thể được vận chuyển theo Loại 9.

➤ 2.2. Một số lưu ý

Để đóng gói, các chất không thuộc Loại 1, 2 và 7, phân nhóm 5.2 và 6.2 và không phải là các chất tự phản ứng thuộc Phân nhóm 4.1 được phân vào ba nhóm đóng gói tùy theo mức độ nguy hiểm mà chúng thể hiện:

Nhóm đóng gói I: Chất có mức độ nguy hiểm cao

Nhóm đóng gói II: Chất có mức độ nguy hiểm trung bình

Nhóm đóng gói III: Chất có mức độ nguy hiểm thấp

➤ 2.2. Một số lưu ý

Hàng hóa nguy hiểm được gán mã số UN và tên vận chuyển phù hợp theo phân loại mối nguy hiểm và thành phần của chúng.

Mỗi mục trong Danh sách Hàng hóa Nguy hiểm được đặc trưng bởi một số UN. Danh sách này cũng chứa thông tin liên quan cho từng mục, chẳng hạn như loại nguy hiểm, (các) mối nguy hiểm phụ (nếu có), nhóm đóng gói (nếu được chỉ định), các yêu cầu về đóng gói và vận chuyển bồn chứa,...

➤ 2.3. Các mục trong Danh sách Hàng hóa Nguy hiểm bao gồm:

(a) Các mục đơn cho các chất hoặc vật phẩm được xác định rõ ràng

Ví dụ: 1090 Axeton, 1194 DUNG DỊCH ETYL NITRIT

(b) Các mục chung cho nhóm chất hoặc vật phẩm được xác định rõ ràng

Ví dụ: 1133 CHẤT KEO, SẢN PHẨM NƯỚC HOA 1266, 2757 THUỐC THỰC VẬT CARBAMATE, DẠNG RẮN, ĐỘC, 3101 PEROXIDE HỮU CƠ, LOẠI B, DẠNG LỎNG;

(c) Số cụ thể các mục bao gồm một nhóm chất hoặc vật phẩm có tính chất hóa học hoặc kỹ thuật cụ thể

Ví dụ: 1477 NITRAT, VÔ CƠ, N.O.S, RƯỢU 1987, N.O.S.

(d) Số chung các mục bao gồm một nhóm chất hoặc vật phẩm đáp ứng tiêu chí của một hoặc nhiều loại hoặc nhóm

Ví dụ: 1325 CHẤT RẮN DỄ CHÁY, HỮU CƠ, N.O.S. , 1993 CHẤT LỎNG DỄ CHÁY, N.O.S.

➤ PHẦN 3:

HỆ THỐNG LINKAGE/ASEAN PROTOCOL 9





Nội dung

- 3.1. Giới thiệu chung về ASEAN Protocol 9
- 3.2. Phân loại hàng nguy hiểm theo Hệ thống ASEAN Protocol 9



3.1. Giới thiệu chung về ASEAN Protocol 9

- Nghị định thư ASEAN Protocol 9 là một phần của Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh được ký kết giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á: Brunei, Cambodia, Indonesia, Laos, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thailand, VietNam.
- Nghị định thư là sự thoả thuận của các quốc gia ASEAN về việc vận chuyển quá cảnh hàng nguy hiểm đường bộ hoặc đường cao tốc liên quốc gia
- Một số khái niệm:
 - + Dangerous Goods (DG):
 - + Means of Transport:
 - + Transit Transport:
 - + United Nations Recommendations on the Transport of Dangerous Goods / Model Regulations / UN Model Regulations (UNTDG):
 - + European Agreement Concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road (ADR):

3.1. Giới thiệu chung về ASEAN Protocol 9

- + Dangerous Goods (DG): Hàng hoá nguy hiểm
- + Means of Transport: Phương tiện vận chuyển
- + Transit Transport: Vận chuyển quá cảnh
- + United Nations Recommendations on the Transport of Dangerous Goods / Model Regulations / UN Model Regulations (UNTDG): Khuyến nghị vận chuyển hàng nguy hiểm của Liên Hợp Quốc cung cấp các tiêu chuẩn và hướng dẫn cho việc an toàn vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng đường bộ, đường sắt, hàng không và hàng hải
- + European Agreement Concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road (ADR): Hiệp định Châu Âu về Vận Chuyển Hàng Hoá Nguy Hiểm Bằng Đường Bộ là một hiệp định quốc tế quản lý vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng đường bộ. Hiệp định này áp dụng cho các quốc gia thành viên của Công ước về Luật Giao thông Đường bộ (Convention on Road Traffic) của Liên Hợp Quốc, và chủ yếu tập trung vào việc đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển các loại hàng hoá nguy hiểm. ADR quy định các yêu cầu về đóng gói, ghi nhãn, vận chuyển, và xử lý sự cố liên quan đến hàng hoá nguy hiểm trên đường bộ.



3.1. Giới thiệu chung về ASEAN Protocol 9

- Các bên áp dụng Nghị định thư này sẽ tuân thủ các quy định của UNTDG, ADR và ADR được tái cấu trúc (Restructured ADR) ở những mục sau:
 - + Phân loại chi tiết hàng nguy hiểm: 9 nhóm
 - + Đóng gói và dán nhãn hàng nguy hiểm
 - + Nhãn dán phương tiện và cách đóng gói
 - + Chứng từ vận tải và tờ khai
 - + Đào tạo
 - + Các biện pháp phòng ngừa cháy nổ
- Các nhà vận tải vận chuyển quá cảnh bất kỳ loại hàng nguy hiểm nào thuộc các nhóm phân loại phải được cấp giấy phép bởi các cơ quan có thẩm quyền mà phương tiện vận tải đi qua.
- Công nhận các giấy phép lái xe được cấp trong nước theo “Thỏa thuận về Việc Công nhận Giấy phép Lái xe Trong nước do các Nước ASEAN (Agreement on the Recognition of Domestic Driving Licenses Issued by ASEAN Countries)”



3.1. Giới thiệu chung về ASEAN Protocol 9

- Ngoài ra, các đơn vị vận chuyển phải chú ý đến các yêu cầu khác như khử trùng, kiểm dịch, và thủ tục hải quan khi quá cảnh sang các nước trong ASEAN theo Hiệp định.

3.2. Phân loại Hàng nguy hiểm theo ASEAN Protocol 9

- Class 1: Explosives (.....)
- Class 2:
 - + Division 2.1 : Flammable gases (.....)
 - + Division 2.2 : Non-flammable, non-toxic gases (.....)
 - + Division 2.3 : Toxic gases (.....)
- Class 3: Flammable liquids and liquid desensitized explosives (.....)
- Class 4:
 - + Division 4.1 : Flammable solids, self-reactive substances and solid desensitized explosives (.....)
 - + Division 4.2 : Substances liable to spontaneous combustion (.....)
 - + Division 4.3 : Substances which in contact with water emit flammable gases (.....)

3.2. Phân loại Hàng nguy hiểm theo ASEAN Protocol 9

- Class 5:
 - + Division 5.1 : Oxidizing substances (.....)
 - + Division 5.2 : Organic peroxides (.....)
- Class 6:
 - + Division 6.1 : Toxic substances (.....)
 - + Division 6.2 : Infectious substances (.....)
- Class 7: Radioactive material (.....)
- Class 8: Corrosive substances (.....)
- Class 9: Miscellaneous substances and articles (.....)

➤ PHẦN 4:

SỐ UN VÀ TÊN GỌI ĐÚNG





Nội dung

4.1. Số UN & Tên gọi đúng là gì

4.2. Bài tập

Abbreviation	Column	Meaning
N.O.S.	2	Not otherwise specified.
†	2	Entry for which there is an explanation in Appendix B.

DANGEROUS GOODS LIST

UN No.	Name and description	Class or division	Subsid- iary risk	UN packing group	Special provi- sions	Limited quantities	Packagings and IBCs		Portable tanks	
							Packing instruction	Special provi- sions	Portable tank instruction	Portable tank special provisions
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
0004	AMMONIUM PICRATE dry or wetted with less than 10% water, by mass†	1.1D				NONE	P112(a) (b) or (c)	PP26		
0005	CARTRIDGES FOR WEAPONS with bursting charge†	1.1F				NONE	P130			
0006	CARTRIDGES FOR WEAPONS with bursting charge†	1.1E				NONE	P130 LP101	PP67 L1		
0007	CARTRIDGES FOR WEAPONS with bursting charge†	1.2F				NONE	P130			
0009	AMMUNITION, INCENDIARY with or without burster, expelling charge or propelling charge†	1.2G				NONE	P130 LP101	PP67 L1		
0010	AMMUNITION, INCENDIARY with or without burster, expelling charge or propelling charge†	1.3G				NONE	P130 LP101	PP67 L1		
0012	CARTRIDGES FOR WEAPONS, INERT PROJECTILE or CARTRIDGES, SMALL ARMS†	1.4S				NONE	P130			
0014	CARTRIDGES FOR WEAPONS, BLANK or CARTRIDGES, SMALL ARMS, BLANK†	1.4S				NONE	P130			

- (1)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)
- (10)
- (11)

DANGEROUS GOODS LIST

UN No.	Name and description	Class or division	Subsidiary risk	UN packing group	Special provisions	Limited quantities	Packagings and IBCs		Portable tanks	
							Packing instruction	Special provisions	Portable tank instruction	Portable tank special provisions
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
0004	AMMONIUM PICRATE dry or wetted with less than 10% water, by mass†	1.1D				NONE	P112(a) (b) or (c)	PP26		
0005	CARTRIDGES FOR WEAPONS with bursting charge†	1.1F				NONE	P130			
0006	CARTRIDGES FOR WEAPONS with bursting charge†	1.1E				NONE	P130 LP101	PP67 L1		
0007	CARTRIDGES FOR WEAPONS with bursting charge†	1.2F				NONE	P130			
0009	AMMUNITION, INCENDIARY with or without burster, expelling charge or propelling charge†	1.2G				NONE	P130 LP101	PP67 L1		
0010	AMMUNITION, INCENDIARY with or without burster, expelling charge or propelling charge†	1.3G				NONE	P130 LP101	PP67 L1		
0012	CARTRIDGES FOR WEAPONS, INERT PROJECTILE or CARTRIDGES, SMALL ARMS†	1.4S				NONE	P130			
0014	CARTRIDGES FOR WEAPONS, BLANK or CARTRIDGES, SMALL ARMS, BLANK†	1.4S				NONE	P130			
0015	AMMUNITION, SMOKE with or without burster, expelling charge or propelling charge†	1.2G			204	NONE	P130 LP101	PP67 L1		
0016	AMMUNITION, SMOKE with or without burster, expelling charge or propelling charge†	1.3G			204	NONE	P130 LP101	PP67 L1		
0331	EXPLOSIVE, BLASTING, TYPE B† (AGENT, BLASTING, TYPE B)	1.5D				0	E0	P116 IBC100	PP61 PP62 PP64	T1 TP1 TP17 TP32

(1) Số UN

(2) Tên và mô tả

(3) Phân loại

(4) Nguy hiểm phụ

(5) Nhóm đóng gói

(6) Quy định đặc biệt

(7a) Số lượng tối đa cho mỗi bao bì hoặc mục cho việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm dưới dạng số lượng hạn chế

(7b) Số lượng tối đa cho mỗi bao bì trong và ngoài để vận chuyển hàng hoá nguy hiểm dưới dạng số lượng hạn chế

(8) Hướng dẫn đóng gói

(9) Quy định đóng gói đặc biệt

(10) Hướng dẫn thùng chở hàng/container di chuyển được

(11) Quy định đặc biệt cho thùng chở hàng/container di chuyển được

4.1. Số UN và Tên gọi đúng (Proper shipping name) là gì?

- Hàng hoá nguy hiểm được gán cho các số UN và tên gọi đúng (Proper shipping name) theo phân loại nguy hiểm và thành phần của chúng.
- Tên gọi đúng được định nghĩa là phần mô tả chính xác nhất về hàng hoá trong Danh sách Hàng hoá Nguy hiểm, được hiển thị bằng các ký tự in hoa (cộng với bất kỳ số, chữ cái Hy Lạp, "sec", "tert", và các chữ cái m, n, o, p, cũng là một phần không thể thiếu của tên).
- Một tên giao hàng chính thức thay thế có thể được hiển thị trong dấu ngoặc sau tên giao hàng chính.

Ví dụ: ETHANOL (ETHYL ALCOHOL)

- Các phần của mục xuất hiện bằng chữ thường không cần được xem xét là phần của tên giao hàng chính nhưng có thể được sử dụng.

0005	CARTRIDGES FOR WEAPONS with bursting charge†
------	---

4.1. Số UN và Tên gọi đúng (Proper shipping name) là gì?

- Khi kết hợp nhiều tên gọi đúng chính được liệt kê dưới một số UN duy nhất, và chúng được phân biệt bằng từ "and" hoặc "or", bằng chữ thường hoặc được phân cách bằng dấu phẩy, chỉ tên phù hợp nhất sẽ được hiển thị trong tài liệu vận chuyển và đánh dấu gói hàng. chính được liệt kê dưới một số UN duy nhất, và chúng được phân biệt bằng từ "and" hoặc "or", bằng chữ thường hoặc được phân cách bằng dấu phẩy, chỉ tên phù hợp nhất sẽ được hiển thị trong tài liệu vận chuyển và đánh dấu gói hàng.

Ví dụ 1: UN 1057 LIGHTERS or LIGHTER REFILLS - Trong trường hợp này, chỉ tên phù hợp nhất giữa LIGHTERS và LIGHTER REFILLS sẽ được sử dụng trong tài liệu vận chuyển và đánh dấu gói hàng.

Ví dụ 2: UN 2793 FERROUS METAL BORINGS, SHAVINGS, TURNINGS or CUTTINGS.

Trong trường hợp này, tên phù hợp nhất có thể là?

4.1. Số UN và Tên gọi đúng (Proper shipping name) là gì?

- Tên gọi đúng có thể được sử dụng ở dạng số ít hoặc số nhiều tùy theo ngữ cảnh.

Ví dụ: Flammable Liquid? hoặc Flammable Liquids?

- Khi từ mô tả được sử dụng như một phần của tên giao hàng chính xác, thứ tự của chúng trên tài liệu hoặc đánh dấu gói hàng là tùy chọn mà không làm thay đổi ý nghĩa hoặc tính chất của hàng hóa.

Ví dụ: "DIMETHYLAMINE AQUEOUS SOLUTION" có thể được dùng thay cho "AQUEOUS SOLUTION OF DIMETHYLAMINE".

Ví dụ 2: "Sodium Hydroxide Aqueous Solution" có thể được dùng thay cho

- Tên thương mại hoặc quân sự cho hàng hóa của Nhóm 1 có chứa tên gọi đúng được bổ sung bằng văn bản mô tả bổ sung có thể được sử dụng.

4.1. Số UN và Tên gọi đúng (Proper shipping name) là gì?

Tên thương mại hoặc quân sự cho hàng hóa của Nhóm 1 có chứa tên gọi đúng được bổ sung bằng văn bản mô tả bổ sung có thể được sử dụng.

Ví dụ: "Dynamite" là một loại vật liệu nổ, nhưng tên gọi đúng trong danh sách giao hàng có thể là "Explosive, Blasting, Type A". Tuy nhiên, trong thực tế, người ta có thể sử dụng "Dynamite" để mô tả sản phẩm này. Điều này cho phép người dùng nhận biết dễ dàng hơn về loại hàng hóa mà họ đang xử lý mà không cần phải sử dụng tên chính xác từ danh sách giao hàng.

Nhiều chất có một mục chung cho cả trạng thái lỏng và rắn, hoặc cho chất rắn và dung dịch. Chúng được gán các số UN riêng biệt mà không nhất thiết phải liên kế nhau.

Ví dụ: NITROXYLENES, LIQUID 6.11665
NITROXYLENES, SOLID 6.13447

4.1. Số UN và Tên gọi đúng (Proper shipping name) là gì?

Trừ khi đã được ghi bao gồm bằng chữ in hoa trong tên gọi đúng trong Danh sách Hàng nguy hiểm, từ mô tả "MOLTEN" sẽ được thêm vào làm phần của tên giao hàng chính xác khi một chất rắn được cung cấp để vận chuyển trong trạng thái nóng chảy.

Ví dụ: ALKYLPHENOL, SOLID, N.O.S., MOLTEN
ALUMINUM, MOLTEN

Từ khi là các chất tự phản ứng (self-reactive substances) và các peroxit hữu cơ (organic peroxides) và trừ khi từ "STABILIZED" đã được bao gồm trong tên gọi đúng trong Danh sách Hàng hoá Nguy hiểm với chữ in hoa.

Từ "STABILIZED" sẽ được thêm vào như một phần của tên gọi đúng của một chất mà nếu không được ổn định sẽ bị cấm vận chuyển theo quy định do có khả năng phản ứng nguy hiểm dưới điều kiện thường gặp trong quá trình vận chuyển.

Ví dụ: "TOXIC LIQUID, ORGANIC, N.O.S., STABILIZED".

4.1. Số UN và Tên gọi đúng (Proper shipping name) là gì?

Khi việc kiểm soát nhiệt độ được sử dụng để ổn định các chất này, ngăn chặn sự nguy hiểm xảy ra khi phát sinh áp suất dư thừa hoặc nhiệt độ quá cao, hoặc khi ổn định hóa học được sử dụng kết hợp với kiểm soát nhiệt độ thì áp dụng:

- (a) Đối với chất lỏng và chất rắn: SAPT $\leq$ giá trị quy định (Phần 2.4.2.5.2, quy định đặc biệt 386 của Chương 3.3 và các quy định của 7.1.5)
- (b) Trừ khi từ đã được viết hoa trong tên được liệt kê trong Danh sách hàng nguy hiểm, cụm từ “TEMPERATURE CONTROLLED” sẽ được thêm vào làm phần của tên gọi đúng
- (c) Đối với vận chuyển gas: điều kiện vận chuyển phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

➤ PHẦN 5:

QUY CÁCH NHÓM ĐÓNG GÓI UN (PG)





Nội dung

5.1. Khái niệm cơ bản

5.2. Quy cách nhóm đóng gói UN

5.1. Khái niệm

- Quy cách nhóm đóng gói UN là một hệ thống quy định về việc đóng gói hàng hóa nguy hiểm để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển. Các quy định này được Liên Hợp Quốc (UN) thiết lập và áp dụng cho các loại hàng hóa nguy hiểm trên toàn thế giới.
- Hàng nguy hiểm sẽ không được vận chuyển nếu chưa được đóng gói và dán nhãn theo quy định của UN.
- Bao bì đóng gói phải theo một thiết kế tiêu chuẩn, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quốc gia. Điều này liên quan đến việc kiểm tra bao bì dựa trên các thông số kỹ thuật phù hợp với quy định của Liên Hiệp Quốc.
- Ở Việt Nam, Bộ Giao thông Vận tải là cơ quan chịu trách nhiệm xác nhận bao bì đóng gói hàng nguy hiểm theo tiêu chuẩn Liên Hợp Quốc (UN). Cụ thể, Bộ Giao thông Vận tải thông qua Cục Hàng hải Việt Nam thường có vai trò phê duyệt các loại bao bì phù hợp với các quy định và tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, bao gồm cả tiêu chuẩn UN, để đảm bảo an toàn trong vận chuyển hàng nguy hiểm.

5.2. Quy cách nhóm đóng gói UN

- Trong “Danh sách hàng nguy hiểm” của UN, Cột "UN packing group" là cột số 5, cung cấp thông tin về nhóm đóng gói của sản phẩm hoặc chất liệu.
- Ngoại trừ các chất thuộc các nhóm 1, 2, và 7, các nhóm 5.2 và 6.2 cũng như các chất tự phản ứng của nhóm 4.1 được phân thành ba nhóm đóng gói tương ứng với mức độ nguy hiểm mà chúng gây ra
- Nhóm đóng gói này được phân loại thành ba loại: Nhóm I, Nhóm II và Nhóm III. Mỗi nhóm đại diện cho mức độ nguy hiểm khác nhau của sản phẩm hoặc chất liệu: Nhóm I là mức độ nguy hiểm cao nhất và Nhóm III là mức độ nguy hiểm thấp nhất.

Class or Division and Packing Group		4.2	4.3	5.1 I	5.1 II	5.1 III	6.1, I Dermal	6.1, I Oral	6.1 II	6.1 III	8, I Liquid	8, I Solid	8, II Liquid	8, II Solid	8, III Liquid	8, III Solid
3	I ^a		4.3				3	3	3	3	3	-	3	-	3	-
3	II ^a		4.3				3	3	3	3	8	-	3	-	3	-
3	III ^a		4.3				6.1	6.1	6.1	3 ^b	8	-	8	-	3	-
4.1	II ^a	4.2	4.3	5.1	4.1	4.1	6.1	6.1	4.1	4.1	-	8	-	4.1	-	4.1
4.1	III ^a	4.2	4.3	5.1	4.1	4.1	6.1	6.1	6.1	4.1	-	8	-	8	-	4.1
4.2	II		4.3	5.1	4.2	4.2	6.1	6.1	4.2	4.2	8	8	4.2	4.2	4.2	4.2
4.2	III		4.3	5.1	5.1	4.2	6.1	6.1	6.1	4.2	8	8	8	8	4.2	4.2
4.3	I			5.1	4.3	4.3	6.1	4.3	4.3	4.3	4.3	4.3	4.3	4.3	4.3	4.3
4.3	II			5.1	4.3	4.3	6.1	4.3	4.3	4.3	8	8	4.3	4.3	4.3	4.3
4.3	III			5.1	5.1	4.3	6.1	6.1	6.1	4.3	8	8	8	8	4.3	4.3
5.1	I						5.1	5.1	5.1	5.1	5.1	5.1	5.1	5.1	5.1	5.1
5.1	II						6.1	5.1	5.1	5.1	8	8	5.1	5.1	5.1	5.1
5.1	III						6.1	6.1	6.1	5.1	8	8	8	8	5.1	5.1
6.1	I Dermal										8	6.1	6.1	6.1	6.1	6.1
6.1	I Oral										8	6.1	6.1	6.1	6.1	6.1
6.1	II Inhalation										8	6.1	6.1	6.1	6.1	6.1
6.1	II Dermal										8	6.1	8	6.1	6.1	6.1
6.1	II Oral										8	8	8	6.1	6.1	6.1
6.1	III										8	8	8	8	8	8

^a Substances of Division 4.1 other than self-reactive substances and solid desensitized explosives and substances of Class 3 other than liquid desensitized explosives.

^b 6.1 for pesticides.

- Denotes an impossible combination.

5.2. Quy cách nhóm đóng gói UN

- Đối với hàng hóa có nhiều nguy hiểm mà không được liệt kê cụ thể theo tên trong Danh sách Hàng hóa Nguy hiểm, nhóm đóng gói nghiêm ngặt nhất được ghi chú đến các nguy hiểm tương ứng của hàng hóa có ưu tiên hơn các nhóm đóng gói khác.

- (a) Substances and articles of Class 1;
- (b) Gases of Class 2;
- (c) Liquid desensitized explosives of Class 3;
- (d) Self-reactive substances and solid desensitized explosives of Division 4.1;
- (e) Pyrophoric substances of Division 4.2;
- (f) Substances of Division 5.2;
- (g) Substances of Division 6.1 with a packing group I inhalation toxicity³;
- (h) Substances of Division 6.2;
- (i) Material of Class 7.



5.2. Quy cách đóng gói theo quy định của UN

Một số yêu cầu về chất lượng bao bì

- Vật liệu chế tạo phải đảm bảo luôn trong tình trạng tốt nhất (không rách đối với bao bì làm bằng giấy, nứt vỡ đối với bao bì dạng ống (tubes), thùng nén (pressure drums), xylanh (cylinders) ,...
- Phải có đầy đủ các ký mã hiệu chỉ dẫn an toàn.
- Phải đủ bền để chịu được các điều kiện thông thường trong khi xếp dỡ và vận chuyển.

5.3. Xác định quy cách nhóm đóng gói UN

Để xác định một sản phẩm thuộc nhóm đóng gói mấy (packing group), cần đánh giá các tính chất và nguy cơ của sản phẩm đó dựa trên các tiêu chí trong hướng dẫn của UN. Cụ thể:

- **Bước 1: Xác định các tính chất của sản phẩm:** Đánh giá các yếu tố như độ bền, độ ổn định, tính chất hóa học, và khả năng gây hại của sản phẩm trong điều kiện vận chuyển.
- **Bước 2: So sánh với các tiêu chuẩn UN:** Sử dụng các hướng dẫn và tiêu chuẩn của Liên Hợp Quốc (UN) để đối chiếu và xác định nhóm đóng gói phù hợp nhất cho sản phẩm.
- **Bước 3: Áp dụng các tiêu chí đánh giá:** Dựa trên thông tin và tính chất của sản phẩm, áp dụng các tiêu chí trong hướng dẫn UN để quyết định nhóm đóng gói phù hợp nhất (nhóm I, II hoặc III).
- **Bước 4: Thực hiện đánh giá và kiểm tra:** Đảm bảo rằng quá trình đánh giá và xác định được thực hiện cẩn thận và chính xác để đảm bảo sự an toàn và tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm.



5.3. Xác định quy cách nhóm đóng gói UN

Ví dụ: Thông tin kỹ thuật để xác định nhóm đóng gói của nhóm Chất lỏng dễ cháy

2.3.2.6 *Hazard grouping based on flammability*

Packing group	Flash point (closed-cup)	Initial boiling point
I	--	$\leq 35\text{ }^{\circ}\text{C}$
II	$< 23\text{ }^{\circ}\text{C}$	$> 35\text{ }^{\circ}\text{C}$
III	$\geq 23\text{ }^{\circ}\text{C} \leq 60\text{ }^{\circ}\text{C}$	$> 35\text{ }^{\circ}\text{C}$



5.4. Bài tập

Hãy xác định các chất / hàng nguy hiểm dưới đây thuộc Phân nhóm nào và quy cách nhóm đóng gói số mấy?